TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01/7/2019
V/v Ly hôn, t/c nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Định.

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dươngtham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quyên -Kiểm sát viên.

Ngày 01tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Anh **Trần Văn K** - Sinh năm 1980.

HKTT: Thôn L, xã X, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang cư trú tại: 1, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Đỗ Thị H** - Sinh năm 1981.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã V, thị xã Ch, tỉnh Hải Dương (Nay là KDC V, phường V, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương). Vắng mặt.

Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người làm chứng: Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957.

Đều ở địa chỉ: KDC V, phường V, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 01/4/2004 đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H lại mâu thuẫn với gia đình anh K nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở V, Ch, Hải Dương sinh sống. Năm 2013 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) và vợ chồng không còn quan tâm tới nhau, thỉnh thoảng chị có gọi điện về cho anh nhưng chủ yếu để gặp và nói chuyện với con chung. Chị H cũng không nói cho anh biết địa chỉ cụ thể của chị bên Đài Loan. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Do chị H không thông báo cho anh biết địa chỉ cụ thể của chị bên Đài Loan (Trung Quốc) nên anh K không biết được địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án.

Về con chung: Anh K và chị H có hai con chung là Trần Bảo Tr, sinh ngày 08/5/2003 hiện đang ở với anh K và Trần Bảo Đ, sinh ngày 02/12/2011 hiện đang ở cùng với ông bà ngoại là ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Đ. Anh K đề nghị được nuôi con lớn là Trần Bảo Tr, còn con nhỏ Trần Bảo Đ để cho chị H nuôi dưỡng và nhất trí để ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Đ trông nom, chăm sóc con chung trong thời gian chị H ở nước ngoài. Không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị H hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc). Tòa án đã tiến hành yêu cầu gia đình chị H cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài, tuy nhiên gia đình đã thông báo cho chị H qua điện thoại nhưng chị H không nói địa chỉ cụ thể, do vậy ông D, bà Đ không có địa chỉ để cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình chị H và tiến hành niêm yết theo quy định. Gia đình chị H đã thông báo nội dung khởi kiện của anh K cho chị H biết nhưng chị H không về Việt Nam để giải quyết. Chị H gọi điện cho ông D, bà Đ và có quan điểm nhất trí ly hôn anh K, chị đề nghị được nuôi con chung Trần

Bảo Đ, đồng thời nhờ ông D, bà Đ chăm sóc con chung thay chị H trong thời gian chị ở nước ngoài.

Người làm chứng ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Đ khai: Sau khi kết hôn chị H, anh K sinh sống ở Bình Dương. Do cuộc sống khó khăn nên chị H về Hải Dương sinh sống, còn anh K cũng đi học lái xe nên xin về Quảng Ninh làm ăn cho gần vợ con. Thời gian sinh sống ở Quảng Ninh thì chị H cũng ra đó sinh sống và vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau. Năm 2012-2013 chị Hiên đi lao động ở nước ngoài sau đó anh K cũng đi lao động ở nước ngoài nhằm tạo điều kiện vợ chồng được gần nhau nhưng không có kết quả, đến năm 2018 anh K về nước. Nay anh K, chị H ly hôn gia đình ông bà không có ý kiến gì, việc hôn nhân do vợ chồng anh K, chị H quyết định. Ông, bà nhất trí giúp chị H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Bảo Đ, việc cấp dưỡng do gia đình tự giải quyết. Ông, bà thường xuyên gọi điện cho chị H đồng thời thông báo về việc Tòa án thụ lý đơn khởi kiện ly hôn của anh K, nhưng chị H không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi chị H sinh sống. Chị H có nói quan điểm nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi con Trần Bảo Đ.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Bảo Đ thể hiện có nguyện vọng ở với mẹ là Đỗ Thị H và hiện đang được ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản khai của cháu Trần Bảo Tr thể hiện nguyện vọng được ở với bố là anh Trần Văn K.

Tại phiên tòa anh K vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GĐ; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn K, xử cho anh K ly hôn chị Đỗ Thị H.Về con chung: chấp nhận yêu cầu của anh K và chị H, giao cháu Trần Bảo Tr, sinh ngày 08/5/2003 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Bảo Đ, sinh ngày 02/12/2011 cho chị H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trong thời gian chị H không có

mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Đ cho ông D và bà Đ tiếp tục chăm sóc.Về án phí: anh K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn K đề nghị giải quyết ly hôn đối với chị Đỗ Thị H, thời điểm thụ lý vụ án và cho đến nay chị H đang lao động ở Đài Loan (Trung Quốc). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Do gia đình ông D, bà Đ không biết được địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tòa án đã niêm yết, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho gia đình ông D, bà Đ và gia đình cam đoan nhận và đã thông báo bằng điện thoại đầy đủ cho chị H. Chị H đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của anh K và đã trình bày rõ quan điểm nhất trí về việc ly hôn, đề nghị được nuôi con chung là Trần Bảo Đ. Tại phiên tòa chị H vắng mặt lần thứ hai, anh K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Anh K và chị H sinh sống hạnh phúc với nhau đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2012 chị về Hải Dương sinh sống cùng với bố mẹ đẻ, sau đó anh K về Quảng Ninh học lái xe và làm việc cho gần vợ con. Do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau nên mâu thuẫn phát sinh trầm trọng. Năm 2013 chị Hiên đi lao động ở Đài Loan, sau đó anh K cũng sang Đài Loan lao động và để có điều kiện gần vợ hơn nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Năm 2018 anh K về nước và vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Xét thấy anh K và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H cũng có quan điểm nhất trí ly hôn. Do vậy, HĐXX chấp nhận cho anh Kiên được ly hôn với chị H là phù hợp quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh K và chị H có hai con chung là Trần Bảo Tr, sinh ngày 08/5/2003 hiện đang ở với anh K và Trần Bảo Đ, sinh ngày 02/12/2011 hiện đang ở cùng với ông bà ngoại là ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Đ từ khi còn nhỏ và có nguyện vọng ở với mẹ và ông bà ngoại. Thông qua gia đình ông D, bà Đ, chị H đề nghị được nuôi con là Trần Bảo Đ và nhờ gia đình

ông D, bà Đ chăm sóc hộ trong thời gian chị ở nước ngoài. Ông D, bà Đ đều đồng ý. Còn con chung là Trần Bảo Tr sinh sống với anh K từ nhỏ và có nguyện vọng ở với anh K. Để tránh xáo trộn cuộc sống và việc học tập của các con chung của chị H, anh K và căn cứ nguyện vọng của các con chung HĐXX cần giao con chung Trần Bảo Tr cho anh K nuôi dưỡng và giao con chung Trần Bảo Đ cho chị H nuôi dưỡng và tạm giao cho ông D, bà Đ (bố mẹ chị H) trực tiếp nuôi dưỡng thay chị H cho đến khi chị H về Việt Nam, mọi chi phí nuôi dưỡng do gia đình chị H tự giải quyết. Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết. Sau này các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc đề nghị cấp dưỡng cho con theo quy định. Việc giải quyết như trên phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H không có quan điểm về việc giải quyết tài sản, sau này chị H có đơn yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về việc Hôn nhân và gia đình) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 vàĐiều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;vNghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn K ly hôn chị Đỗ Thị H.

2. Về nuôi con chung khi ly hôn: Xử giao cho anh Trần Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Bảo Tr, sinh ngày 08/5/2003 và giao cho chị Đỗ Thị H nuôi con chung là Trần Bảo Đ, sinh ngày 02/12/2011 và tạm giao cho ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc con chung thay chị H cho đến khi chị H về Việt Nam.

Anh Trần Văn K, chị Đỗ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (về việc Hôn nhân và gia đình) và được đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2017/0006071 ngày 26/2/2019. Anh K đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Trần Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN MINH TÂN